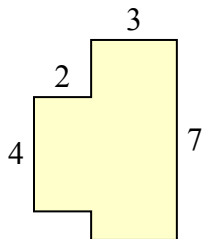




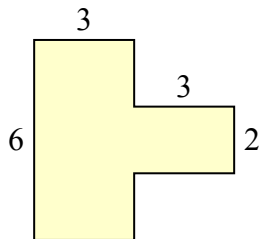
Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

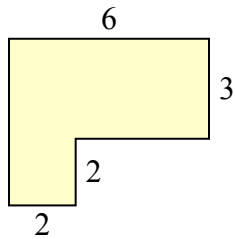
1)



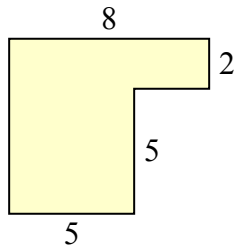
2)



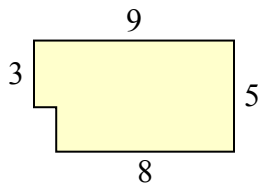
3)



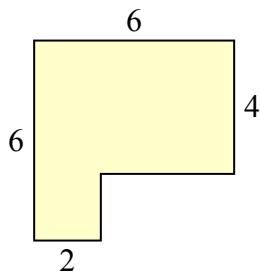
4)



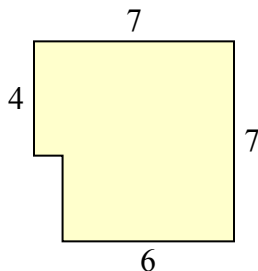
5)



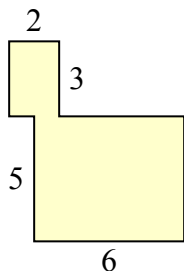
6)



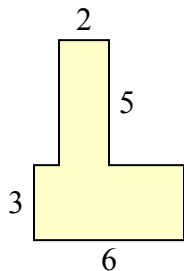
7)



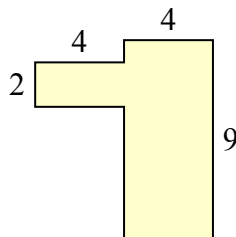
8)



9)



10)

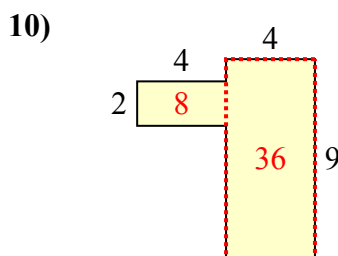
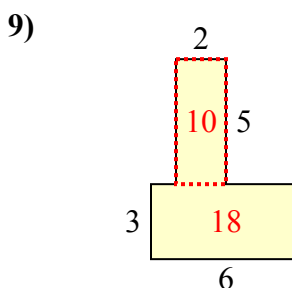
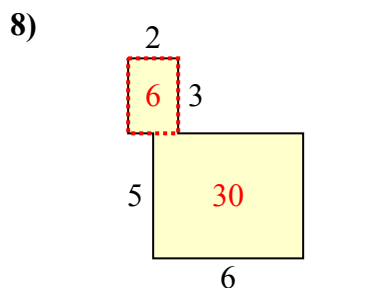
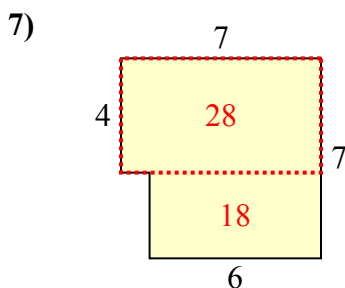
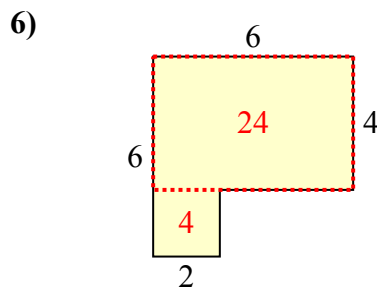
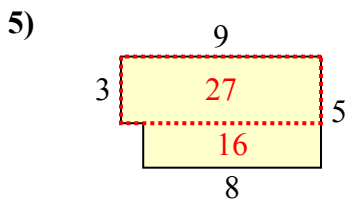
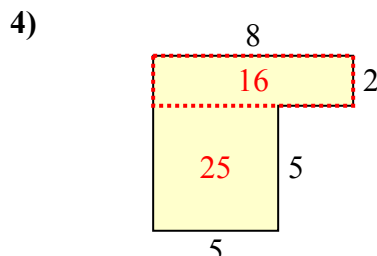
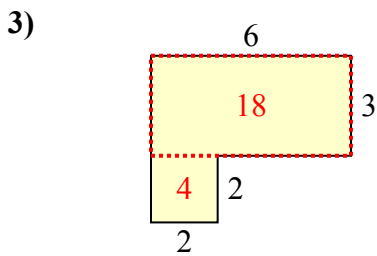
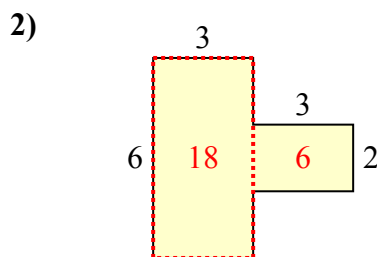
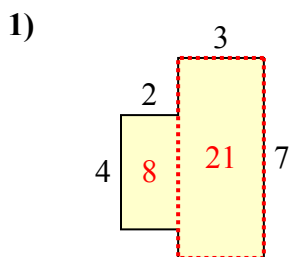


1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____



Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời



1. 29 milimet²

2. 24 milimet²

3. 22 milimet²

4. 41 milimet²

5. 43 milimet²

6. 28 milimet²

7. 46 milimet²

8. 36 milimet²

9. 28 milimet²

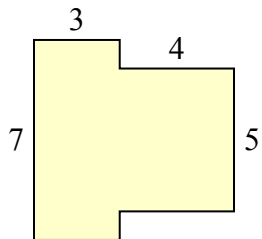
10. 44 milimet²



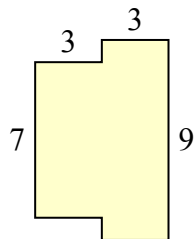
Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

1)



2)



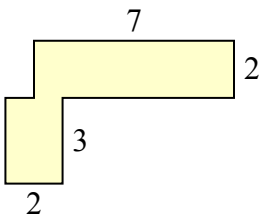
1. _____

2. _____

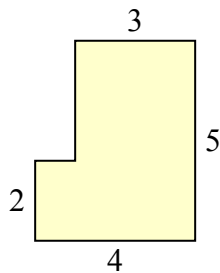
3. _____

4. _____

3)



4)



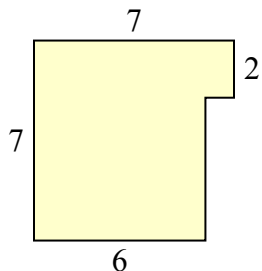
5. _____

6. _____

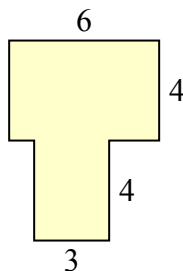
7. _____

8. _____

5)



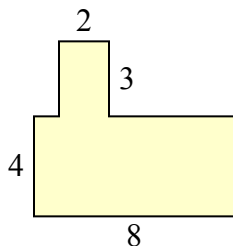
6)



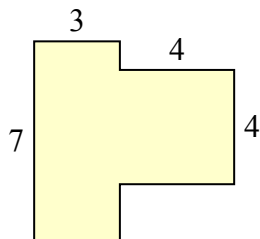
9. _____

10. _____

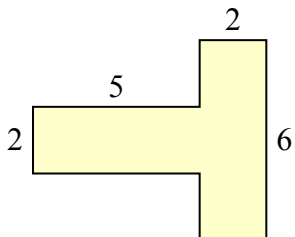
7)



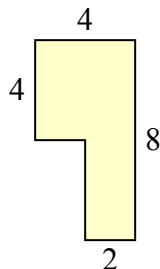
8)



9)



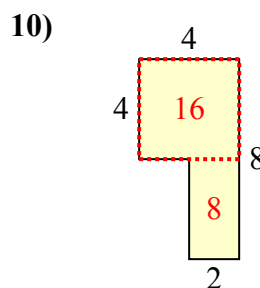
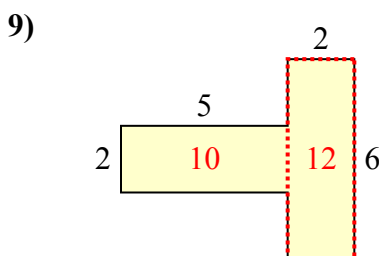
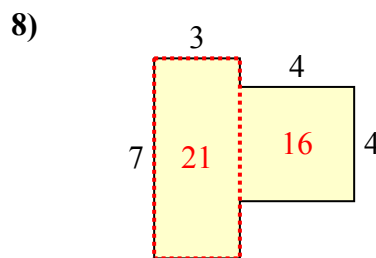
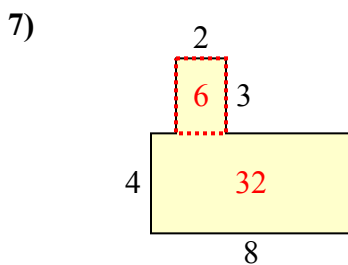
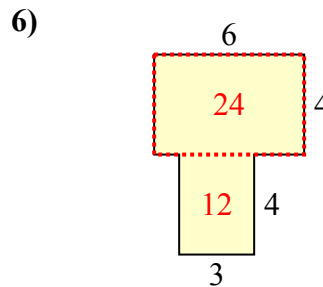
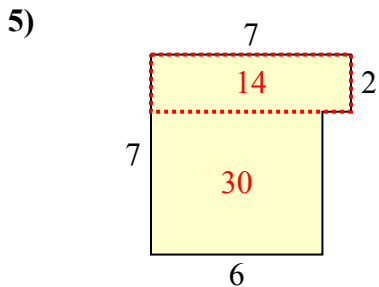
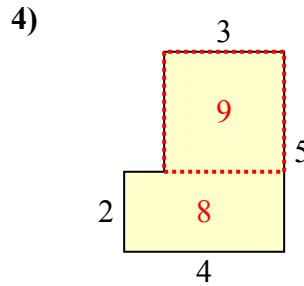
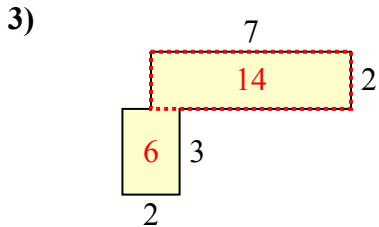
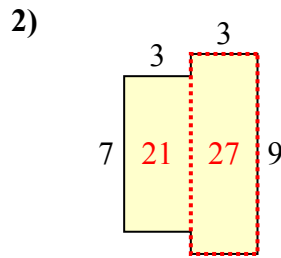
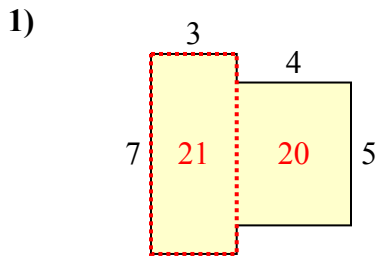
10)





Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

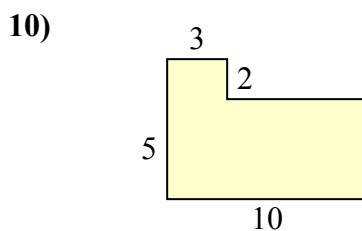
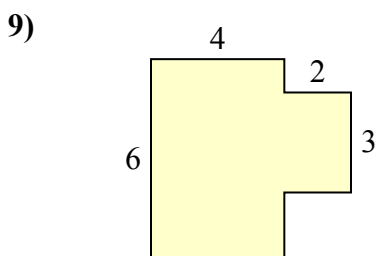
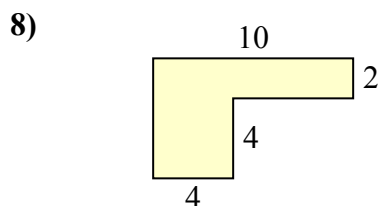
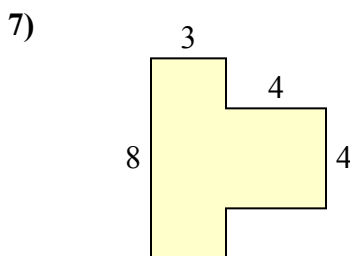
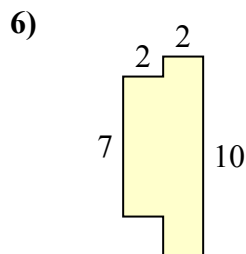
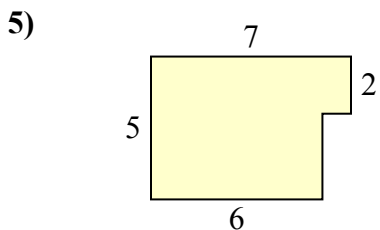
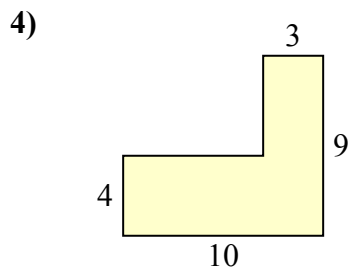
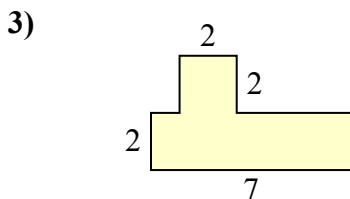
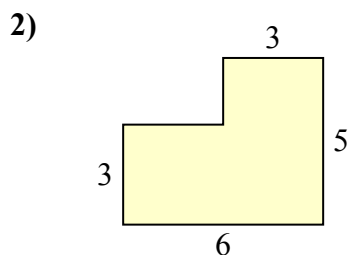
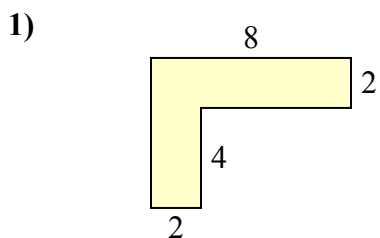


1. 41 milimet²
2. 48 milimet²
3. 20 milimet²
4. 17 milimet²
5. 44 milimet²
6. 36 milimet²
7. 38 milimet²
8. 37 milimet²
9. 22 milimet²
10. 24 milimet²



Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

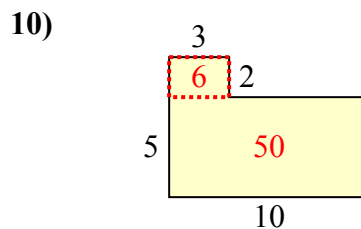
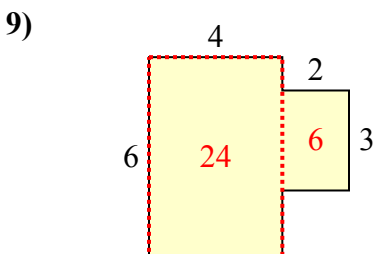
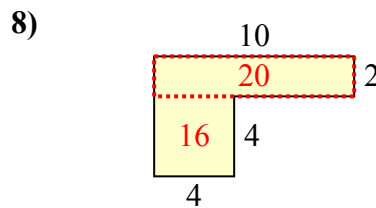
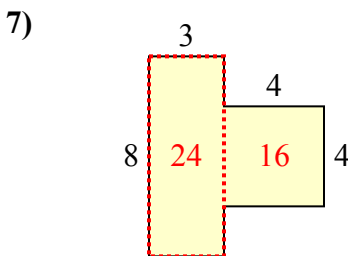
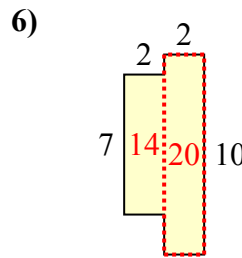
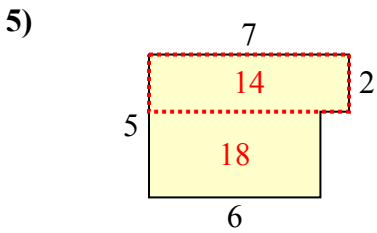
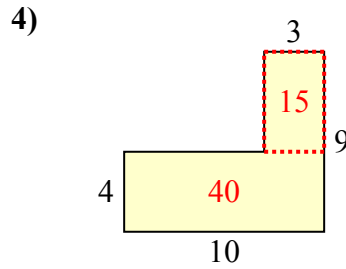
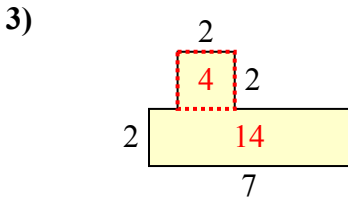
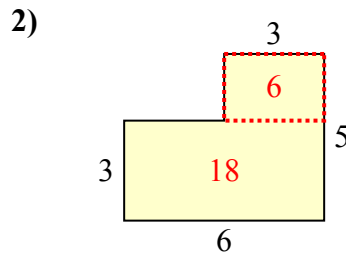
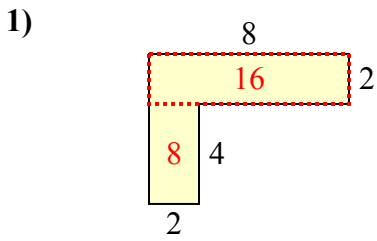


1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____



Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

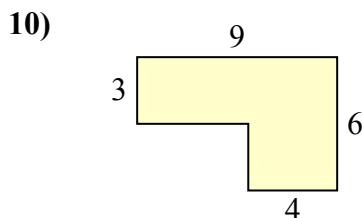
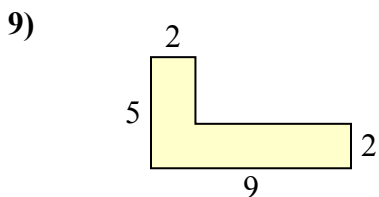
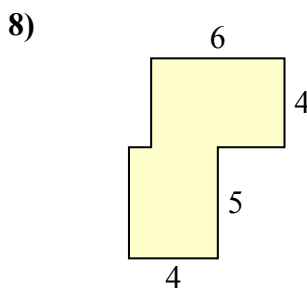
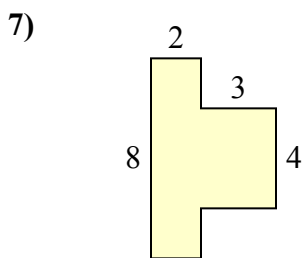
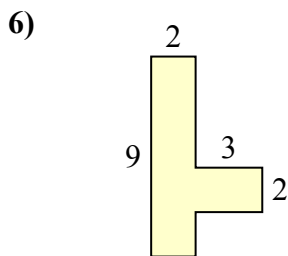
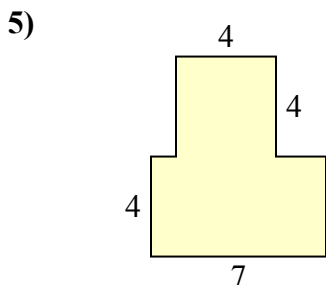
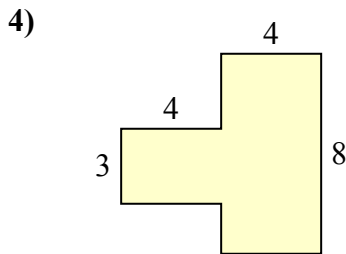
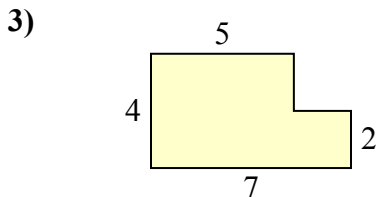
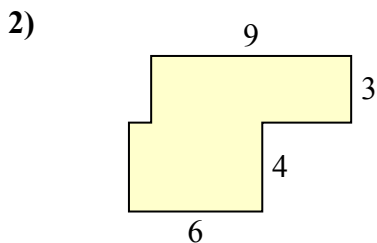
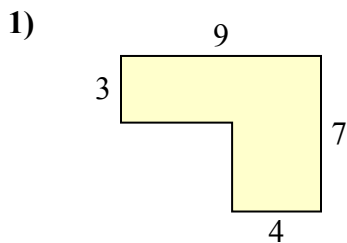


1. 24 milimet²
2. 24 milimet²
3. 18 milimet²
4. 55 milimet²
5. 32 milimet²
6. 34 milimet²
7. 40 milimet²
8. 36 milimet²
9. 30 milimet²
10. 56 milimet²



Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

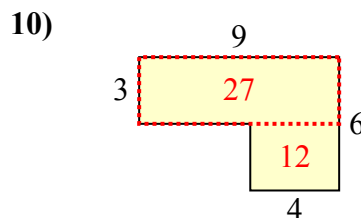
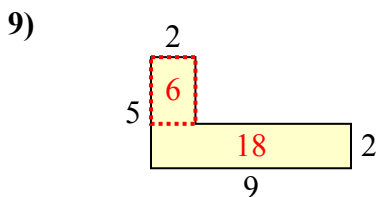
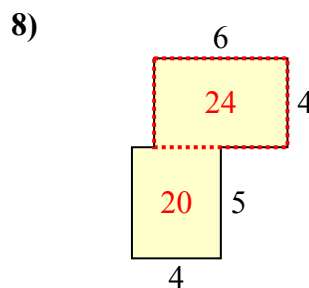
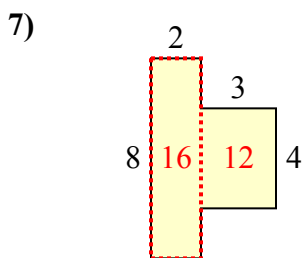
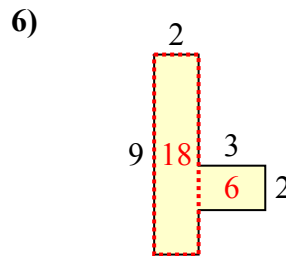
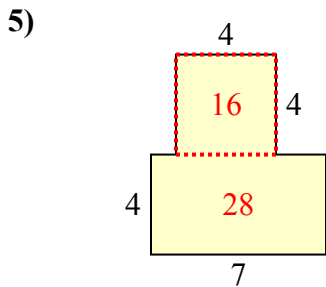
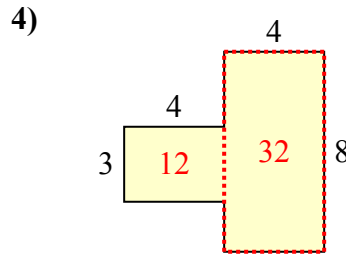
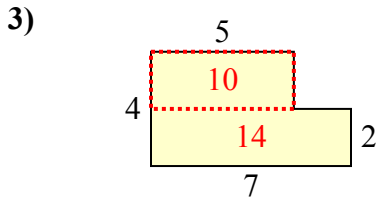
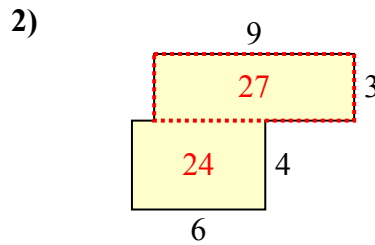
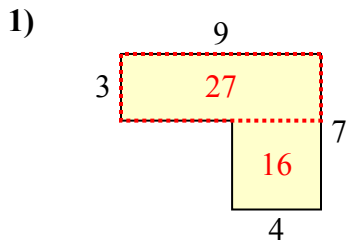
Câu trả lời



1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____



Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.



Câu trả lời

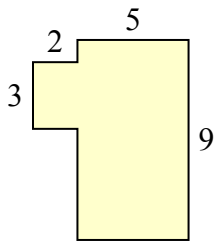
1. 43 milimet²
2. 51 milimet²
3. 24 milimet²
4. 44 milimet²
5. 44 milimet²
6. 24 milimet²
7. 28 milimet²
8. 44 milimet²
9. 24 milimet²
10. 39 milimet²



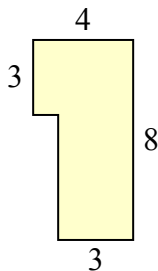
Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

1)



2)



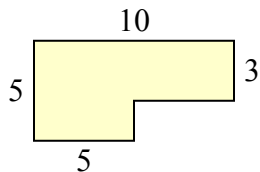
1. _____

2. _____

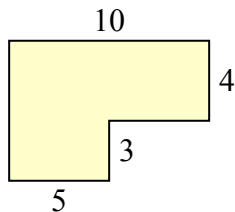
3. _____

4. _____

3)



4)



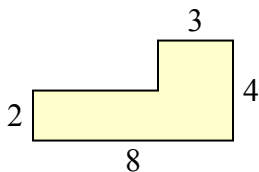
5. _____

6. _____

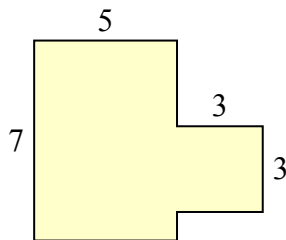
7. _____

8. _____

5)



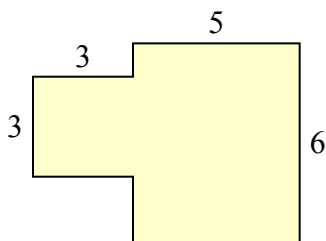
6)



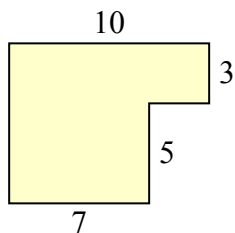
9. _____

10. _____

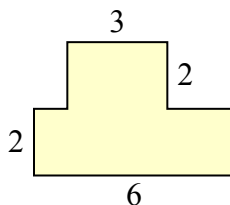
7)



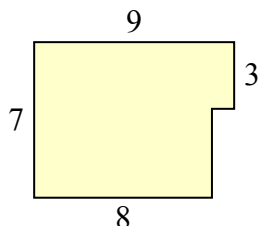
8)



9)



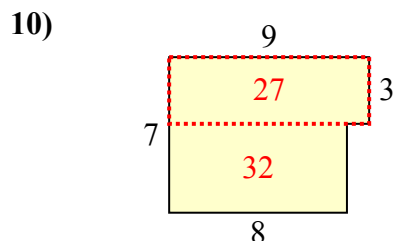
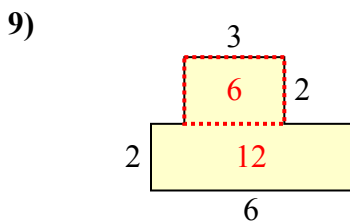
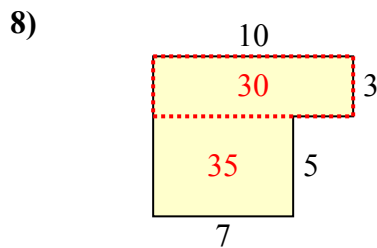
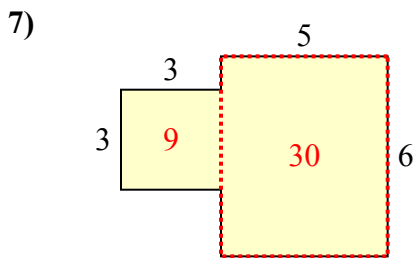
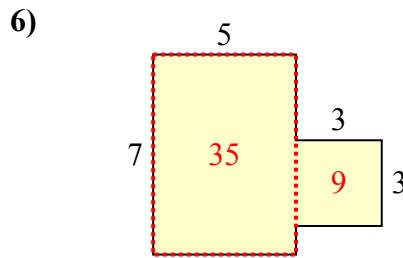
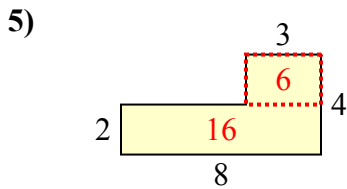
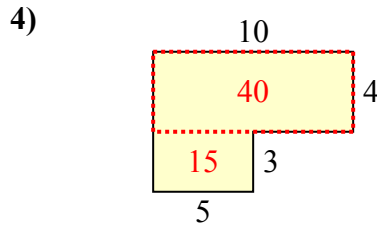
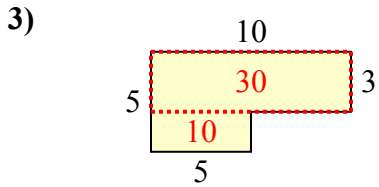
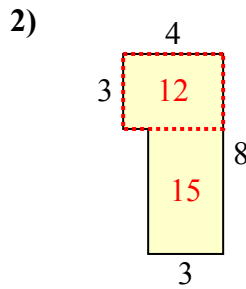
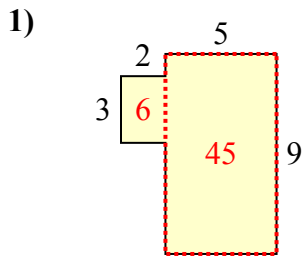
10)





Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời



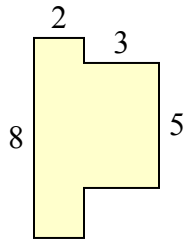
1. 51 milimet²
2. 27 milimet²
3. 40 milimet²
4. 55 milimet²
5. 22 milimet²
6. 44 milimet²
7. 39 milimet²
8. 65 milimet²
9. 18 milimet²
10. 59 milimet²



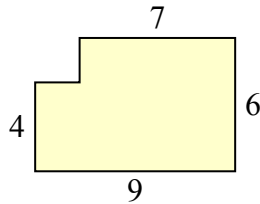
Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

1)



2)



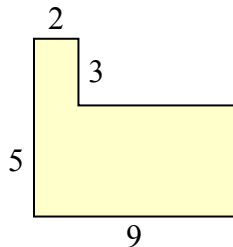
1. _____

2. _____

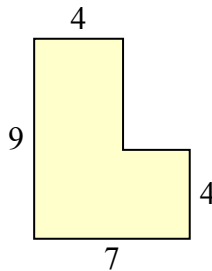
3. _____

4. _____

3)



4)



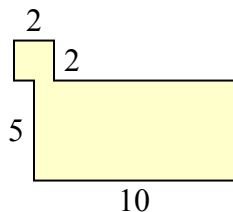
5. _____

6. _____

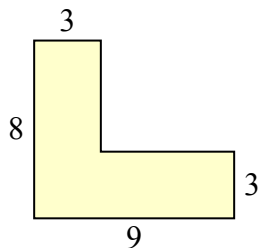
7. _____

8. _____

5)



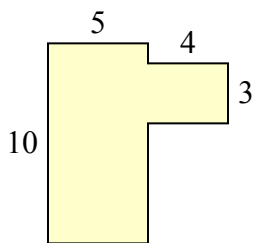
6)



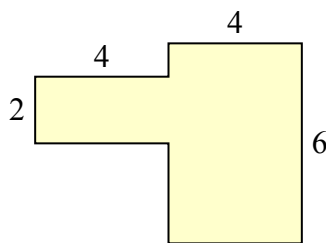
9. _____

10. _____

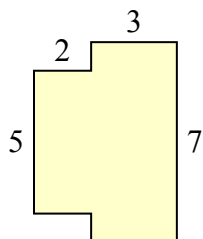
7)



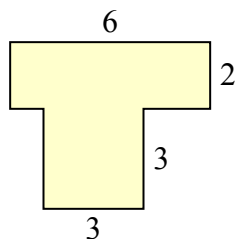
8)



9)



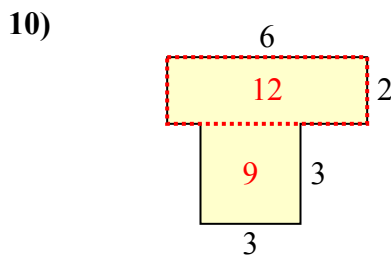
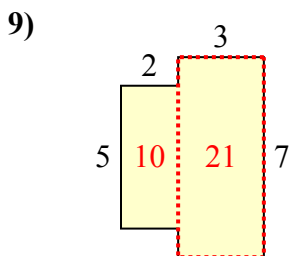
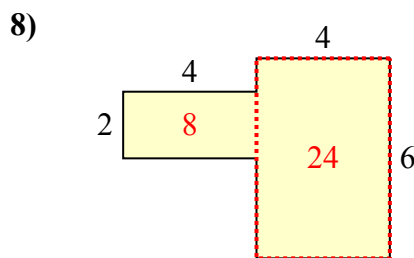
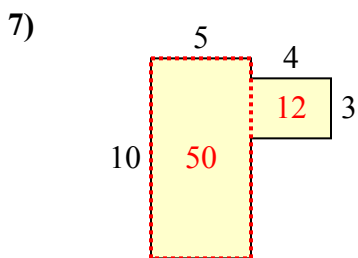
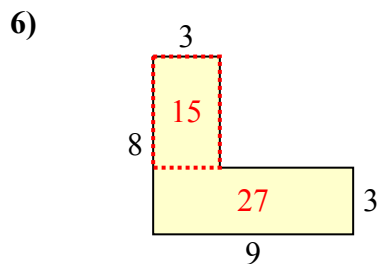
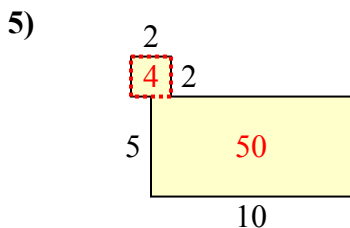
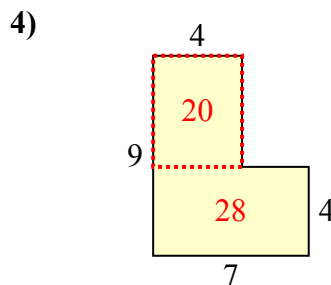
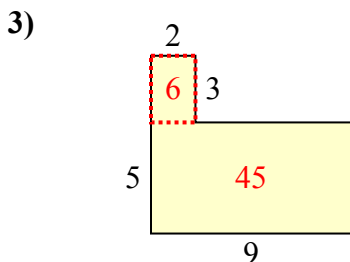
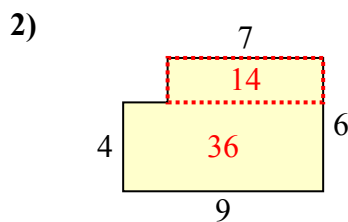
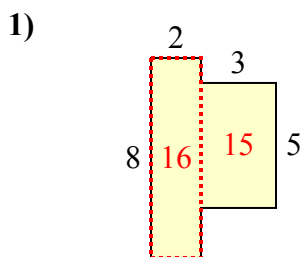
10)





Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời



1. 31 milimet²

2. 50 milimet²

3. 51 milimet²

4. 48 milimet²

5. 54 milimet²

6. 42 milimet²

7. 62 milimet²

8. 32 milimet²

9. 31 milimet²

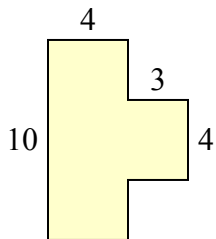
10. 21 milimet²



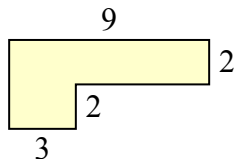
Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

1)



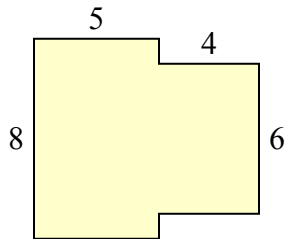
2)



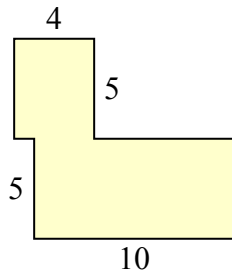
1. _____

2. _____

3)



4)



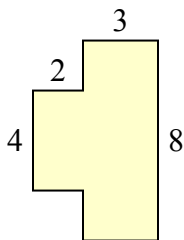
3. _____

4. _____

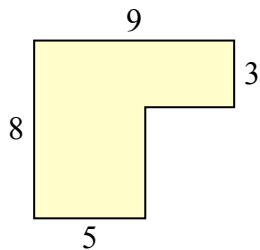
5. _____

6. _____

5)



6)



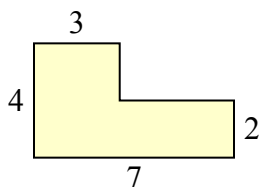
7. _____

8. _____

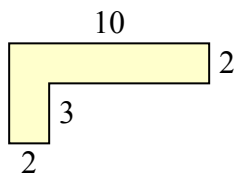
9. _____

10. _____

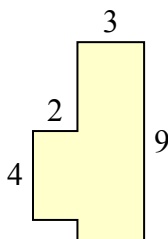
7)



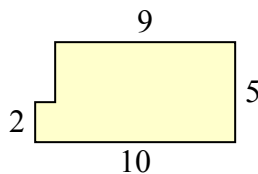
8)



9)



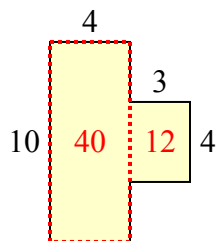
10)



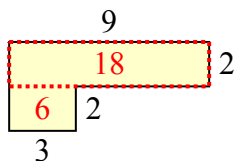


Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

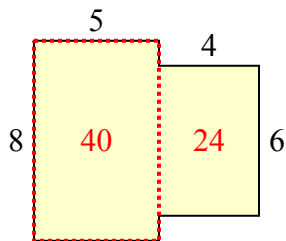
1)



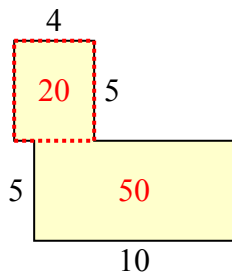
2)



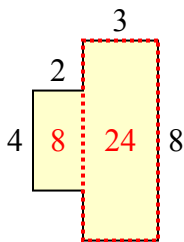
3)



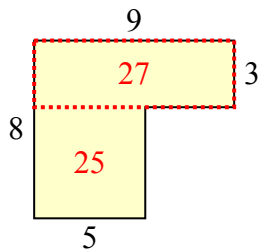
4)



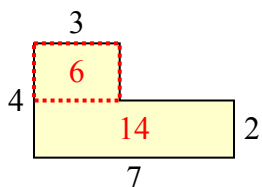
5)



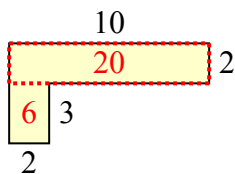
6)



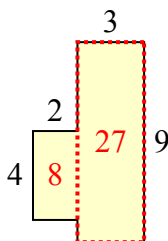
7)



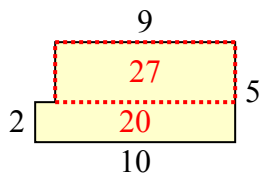
8)



9)



10)



Câu trả lời

1. 52 milimet²

2. 24 milimet²

3. 64 milimet²

4. 70 milimet²

5. 32 milimet²

6. 52 milimet²

7. 20 milimet²

8. 26 milimet²

9. 35 milimet²

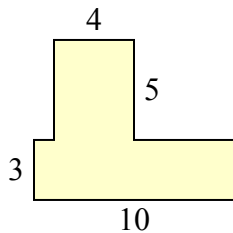
10. 47 milimet²



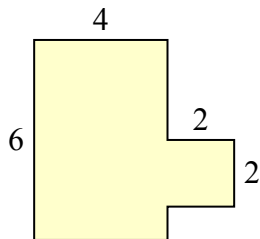
Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

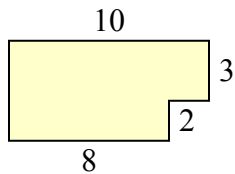
1)



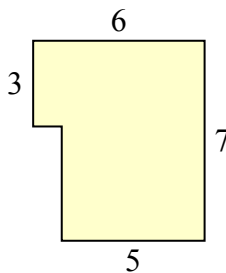
2)



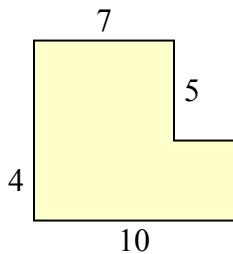
3)



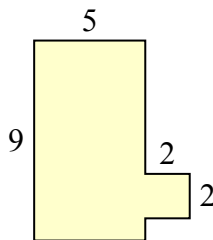
4)



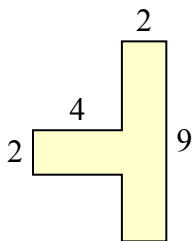
5)



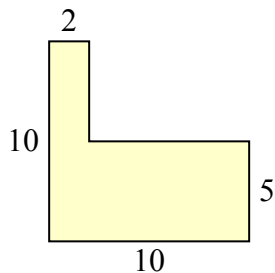
6)



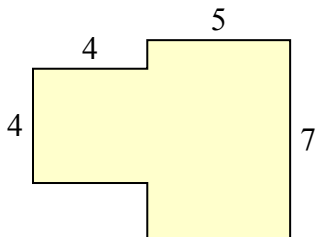
7)



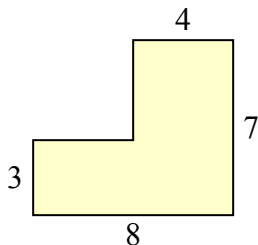
8)



9)



10)

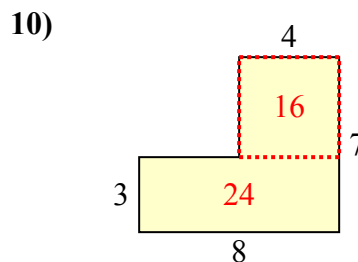
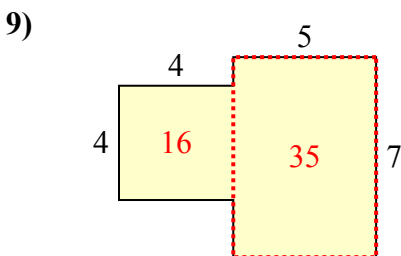
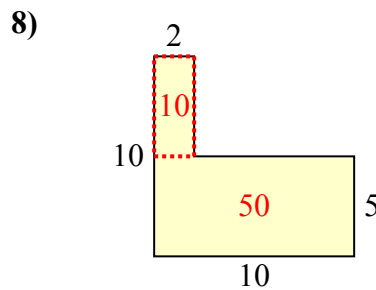
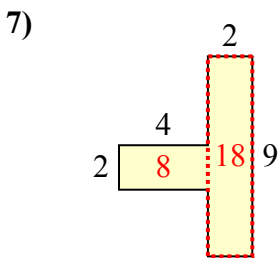
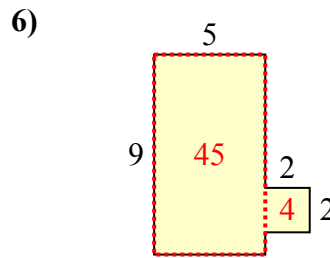
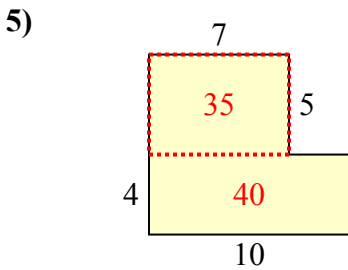
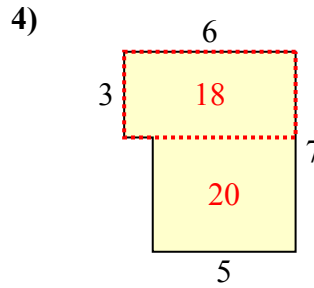
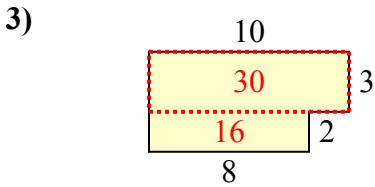
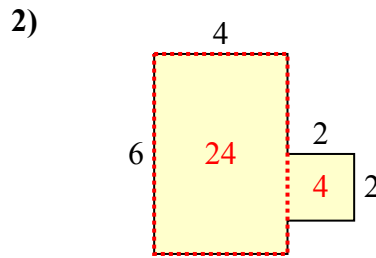
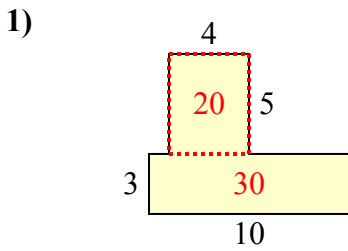


1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____



Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời



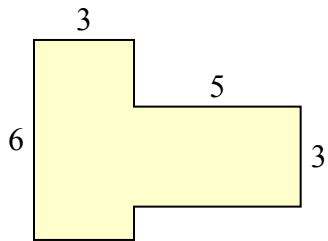
1. 50 millimet²
2. 28 millimet²
3. 46 millimet²
4. 38 millimet²
5. 75 millimet²
6. 49 millimet²
7. 26 millimet²
8. 60 millimet²
9. 51 millimet²
10. 40 millimet²



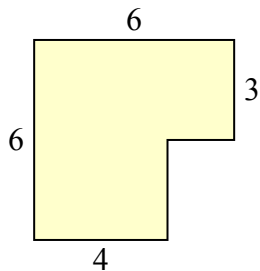
Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

1)



2)



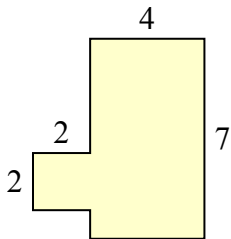
1. _____

2. _____

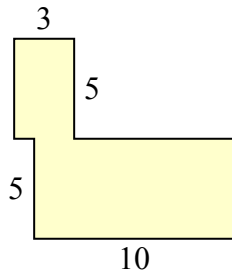
3. _____

4. _____

3)



4)



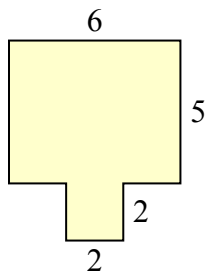
5. _____

6. _____

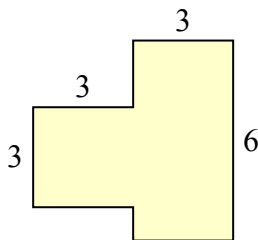
7. _____

8. _____

5)



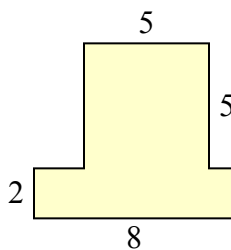
6)



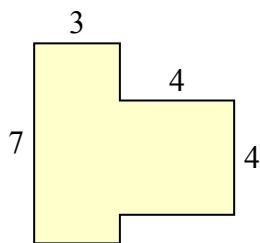
9. _____

10. _____

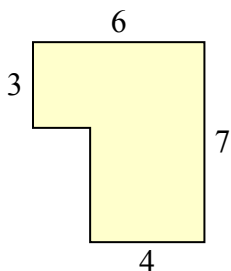
7)



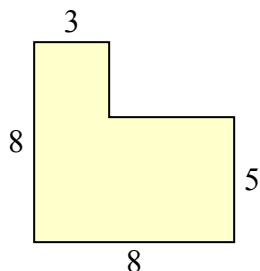
8)



9)



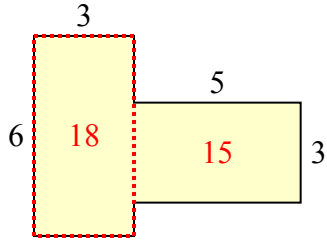
10)



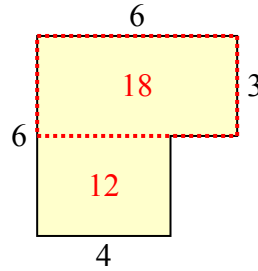


Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

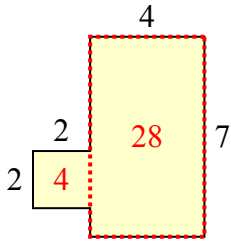
1)



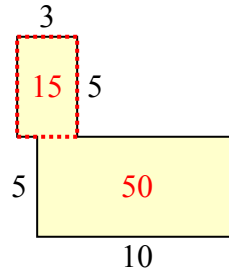
2)



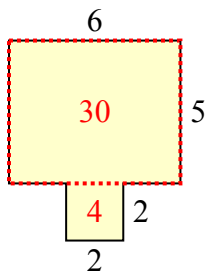
3)



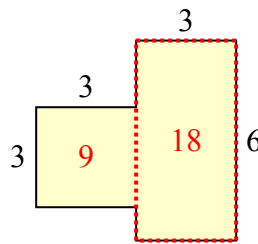
4)



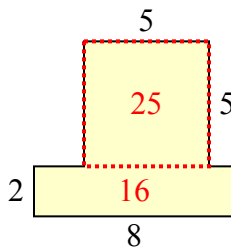
5)



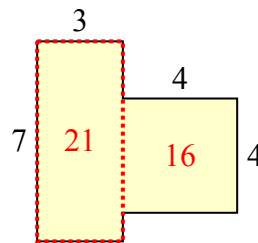
6)



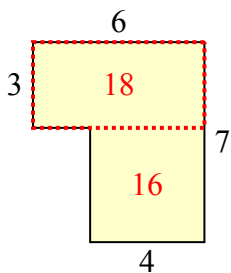
7)



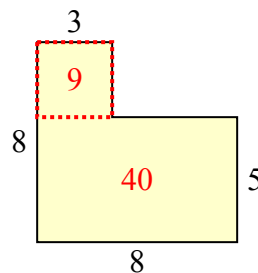
8)



9)



10)



Câu trả lời

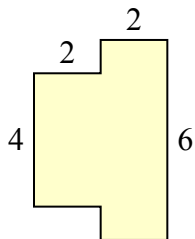
1. 33 milimet²
2. 30 milimet²
3. 32 milimet²
4. 65 milimet²
5. 34 milimet²
6. 27 milimet²
7. 41 milimet²
8. 37 milimet²
9. 34 milimet²
10. 49 milimet²



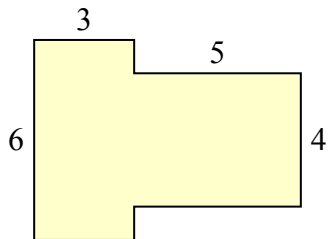
Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời

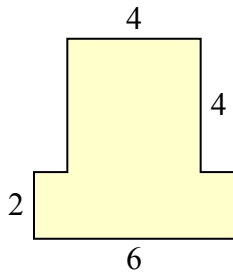
1)



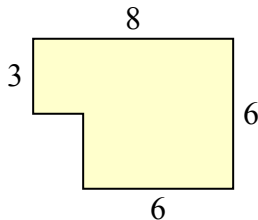
2)



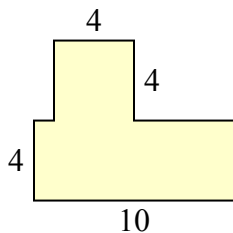
3)



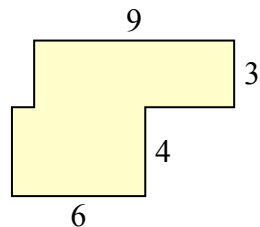
4)



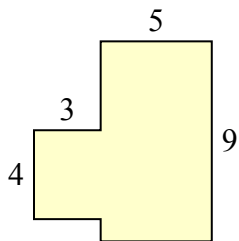
5)



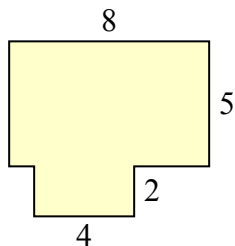
6)



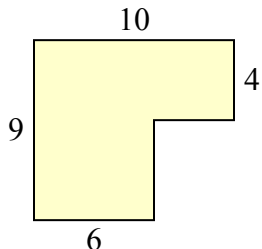
7)



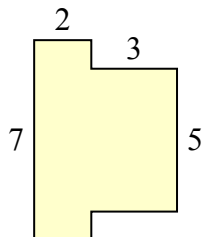
8)



9)



10)

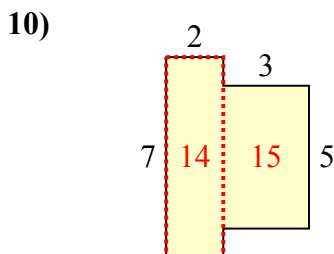
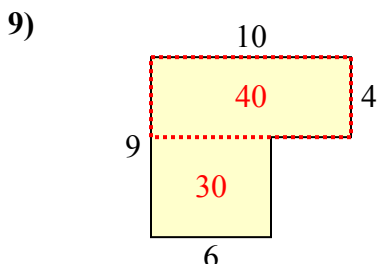
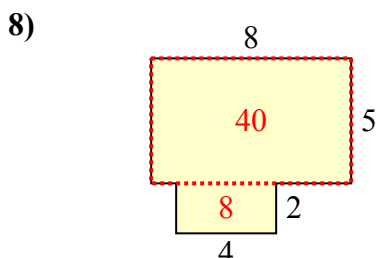
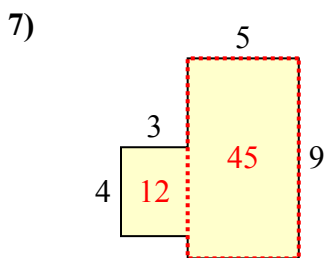
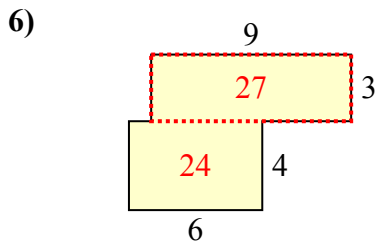
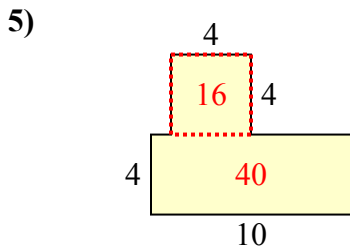
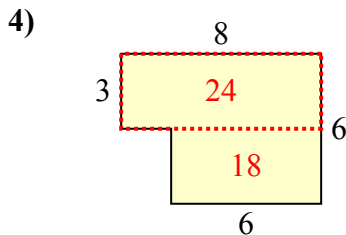
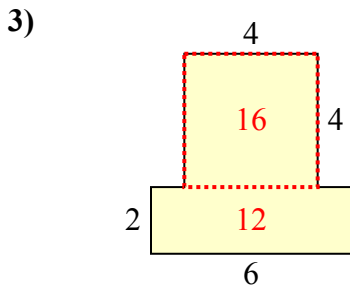
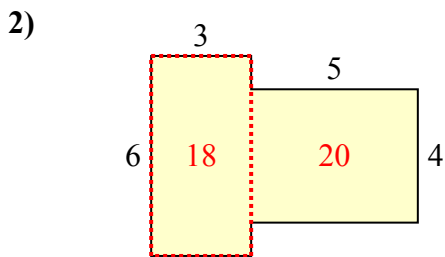
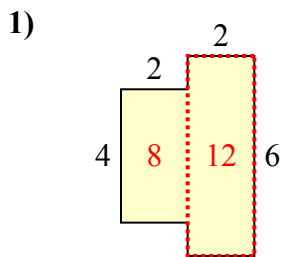


- 1. _____
- 2. _____
- 3. _____
- 4. _____
- 5. _____
- 6. _____
- 7. _____
- 8. _____
- 9. _____
- 10. _____



Tìm tổng diện tích của mỗi hình. Đo bằng millimet (mm). Không theo tỉ lệ.

Câu trả lời



1. 20 milimet²
2. 38 milimet²
3. 28 milimet²
4. 42 milimet²
5. 56 milimet²
6. 51 milimet²
7. 57 milimet²
8. 48 milimet²
9. 70 milimet²
10. 29 milimet²